

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 15/2022/HS-ST

Ngày: 21-01-2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thúy Ái.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Thái Văn Sơn;

- Ông Nguyễn Ngọc Cảnh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trương Văn Bé - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 tháng 01 năm 2022 và 21 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 135/2021/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 274/2021/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 12 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Đình H, sinh năm: 1960 tại tỉnh Hậu Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 3, xã H, huyện Ph, tỉnh Hậu Giang; chỗ ở hiện nay: Số 02 đường B, ấp A, xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình N (chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1946; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Vui Ng, sinh năm 1976, có 02 con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 1997; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, chuyển tạm giam từ ngày 23/11/2020 đến ngày 09/02/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Thành L, sinh năm: 1994 tại Thành phố H; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 5, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L (hết) và bà Võ Thị Ch, sinh năm: 1960; bị cáo có vợ tên Trần Ngọc H, sinh năm: 2001, có 01 con sinh năm 2019; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, chuyển tạm giam từ ngày 23/11/2020 đến ngày 09/02/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Phạm Thảo Qu, sinh năm: 1987 tại tỉnh Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 37/12 đường số 02, phường T, Quận X (nay là Thành phố Th), Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: Số 2F đường Ng, ấp 3A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con Phạm Văn Qu1, sinh năm: 1966 và bà Trịnh Ngọc Th, sinh năm: 1966; bị cáo có chồng tên Võ Hoàng Gi, sinh năm 1983, có 02 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 16/11/2020 bị Công an xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc” với số tiền là 1.500.000đ.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến ngày 02/12/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Châu Quốc T, sinh năm: 1989 tại tỉnh Hậu Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu vực 2, Phường 5, Thành phố V, tỉnh Hậu Giang; chỗ ở hiện nay: Ấp Ch, xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Châu Văn Tr, sinh năm: 1960 và bà Lê Thị Đ, sinh năm: 1964; bị cáo có vợ tên Lê Thị Trúc L, sinh năm 1989, có 02 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2010; tiền sự: Không; tiền án: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến ngày 02/12/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Trần Thị Thu O, sinh năm: 1975 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 55B/87 đường Qu, Phường Y, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: Ấp A, xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Qu (chết) và Trần Thị Kim A (chết); bị cáo có chồng tên Võ Văn S, sinh năm: 1963, có 01 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 29/4/2020 bị Công an huyện Củ Chi xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tụ tập nhiều người gây mất trật tự công cộng.

Nhân thân:

- Ngày 10/3/1994 bị Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp tài sản của công dân”, “Trộm cắp tài sản của công dân” và “Trốn khỏi nơi giam”, kháng cáo đến ngày 05/8/1994 bị Tòa án nhân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm xử phạt 04 năm tù.

- Ngày 09/01/1999 bị Công an huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh bắt về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân”.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến ngày 02/12/2020 thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: Trần Thị Th, sinh năm: 1964 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Ch, xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ CHí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn R (chết) và bà Nguyễn Thị M (chết); bị cáo có

chồng tên Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1960 (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 1984; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 1992 bị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa” và 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến ngày 02/12/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên Lê Phạm Diệu Th1, sinh năm: 1973 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 215/26 đường H, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: Ấp 5, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T (chết) và bà Lê Thị M, sinh năm: 1936; bị cáo có chồng tên Tạ Thanh T1 (chết), có 03 con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 26/12/2005 bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 02 năm về tội “Đánh bạc”.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến ngày 02/12/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và có mặt tại phiên tòa.

8. Họ và tên: Nguyễn Thị L1, sinh năm 1973 tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp A, xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M (chết) và bà Nguyễn Thị Gi, sinh năm 1934; bị cáo có chồng tên Trần Văn L, sinh năm: 1969, có 02 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 16/11/2020 bị Công an xã Tr, huyện C xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến ngày 02/12/2020 thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và có mặt tại phiên tòa.

9. Họ và tên: Lê Thị Ngọc M, sinh năm: 1977 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn B (chết) và bà Trần Thị S (chết); bị cáo không có chồng, có 01 con sinh năm 1998; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến ngày 02/12/2020 thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và có mặt tại phiên tòa.

10. Họ và tên: Nguyễn Thị Mỹ L2, sinh năm: 1980 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 4, xã H, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B (đã chết) và bà Lê Thị Th, sinh năm: 1948; bị cáo có chồng tên Nguyễn Phúc Trường Gi, sinh năm: 1979, có 02 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến ngày 02/12/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và có mặt tại phiên tòa.

11. Họ và tên: Bùi Ngọc A, sinh năm: 1961 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Ch, xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Th (chết) và bà Thái Thị H (chết); bị cáo có chồng tên Bùi Văn M, sinh năm: 1963, có 01 con sinh năm 1983; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến ngày 02/12/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và có mặt tại phiên tòa.

12. Họ và tên: Tô Thị Ánh H1, sinh năm: 1977 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tô Văn M, sinh năm: 1958 và bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm: 1960, bị cáo có chồng tên Nguyễn Thành Tiền, sinh năm: 1975 (đã ly hôn), có 02 con, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến ngày 02/12/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và có mặt tại phiên tòa.

13. Họ và tên: Nguyễn Ngọc H2, sinh năm: 1969 tại tỉnh Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã Tr, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Đ (chết) và bà Nguyễn Thị V (chết); bị cáo có chồng tên Đỗ Văn D, sinh năm: 1972, có 03 con, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến ngày 02/12/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và có mặt tại phiên tòa.

14. Họ và tên: Trần Ngọc H3, sinh năm: 2001 tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn S, sinh năm: 1963 và bà Trần Thị Thu O, sinh năm: 1975; bị cáo có chồng tên Nguyễn Thành L, sinh năm 1994, có 01 con sinh năm 2019; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và có mặt tại phiên tòa.

15. Họ và tên: Đặng Thị C, sinh năm: 1963 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn Đ (chết) và bà Hồ Thị N (chết); bị cáo có chồng tên Trần Văn Ph, sinh năm: 1958, có 03 con, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1995; tiền án: Không, tiền sự: Ngày 16/11/2020 bị Công an xã Tr, huyện C xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc”.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và có mặt tại phiên tòa.

16. Họ và tên: Bùi Văn Qu1, sinh năm: 1958 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp Ch, xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Ng (chết) và bà Võ Thị H (chết); bị cáo có vợ tên Phạm Thị H, sinh năm: 1958, có 06 con, lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1995; tiền án: Không, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến ngày 02/12/2020 thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Võ Hoàng Gi, sinh năm: 1983 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 2F đường Ng, ấp 2A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài nên từ ngày 21/11/2020 Trần Đình Hiếu bắt đầu sử dụng căn nhà số 02 đường B, tổ 6, ấp A, xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để tổ chức đánh bạc nhằm thu tiền xâu, H sử dụng căn phòng phía sau nhà để tổ chức đánh bạc loại bài tây 52 lá và sử dụng 01 vỏ lon bằng kim loại hiệu Hanami để đựng tiền xâu. Các ngày 21/11/2020 và 22/11/2020, H tự mình làm nhiệm vụ canh giới tại khu vực sân phía trước nhà và trông giữ xe cho những người đến tham gia đánh bạc. Hàng ngày, H tổ chức cho khoảng 16 người đến 18 người đến tham gia đánh bạc dưới hình thức bài “Ngầu hằm” thắng thua bằng tiền do Phạm Thảo Qu và Châu Quốc T thay phiên nhau làm cái, sòng bài hoạt động từ 11 giờ 00 phút đến 19 giờ 00 phút. Theo thỏa thuận nếu nhà cái thắng tất cả tay con thì xâu cho H số tiền từ 50.000đ đến 100.000đ và tự bỏ tiền vào lon bánh phồng tôm bằng kim loại hiệu Hanami. Đến cuối ngày H sẽ kiểm tra tiền xâu và lấy tiêu xài cá nhân. Ngày 21/11/2020 và ngày 21/11/2020, H thu tiền xâu được 1.500.000đ. Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 23/11/2020, H gặp và thuê Nguyễn Thành L giúp cho H tổ chức đánh bạc, nhiệm vụ của L là canh giới khu vực sân trước nhà và dẫn xe của những người đến tham gia đánh bạc vào căn phòng bên hông nhà rồi khóa cửa lại, H trả công cho L mỗi ngày 500.000đ. Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 23/11/2020, H và L bắt đầu tổ chức cho Châu Quốc T làm cái tham gia đánh bạc với các con bạc với hình thức chơi bài “Ngầu hằm”, H thu tiền xâu được 150.000đ. Đến khoảng 13 giờ 00 phút cùng ngày, Phạm Thảo Qu mang theo số tiền 20.000.000đ đến tham gia đánh bạc và thay Châu Quốc T làm cái bài “Ngầu hằm” cho các con bạc tham gia đặt cược, T chuyển sang tham gia đặt cược tự nhà con, mỗi tụ nhà con đặt cược số tiền từ 100.000đ đến 500.000đ. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, Phạm Thảo Qu đang làm cái đánh bài “Ngầu hằm” cho những người đang tham gia đặt cược gồm Châu Quốc T, Nguyễn Thị L1, Tô Thị Ánh H1, Nguyễn Ngọc H2, Nguyễn Thị Mỹ L2, Trần Thị Thu O, Trần Ngọc H3, Bùi Ngọc A, Trần Thị Th, Lê Phạm Diệu Th1, Lê Thị Ngọc M và Bùi Văn Qu1 thì bị Công an bắt quả tang, thu giữ số tiền trên chiếu bạc là 13.000.000đ, tiền xâu 1.100.000đ, tiền sử dụng vào mục đích

đánh bạc là 22.950.000đ, 08 bộ bài tây 52 lá, 01 lon bánh tôm bằng kim loại hiệu Hanami đựng tiền xâu, 06 chiếc xe máy và 13 điện thoại di động các loại. Riêng Đặng Thị C vào ngày 11/11/2020 đã bị Công an xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc”, khoảng 14 giờ 00 phút ngày 23/11/2020, C mang theo số tiền 300.000đ đến sông bài để tham gia đánh bạc, C ngồi phía sau và đặt cược vào tụ nhà con của Tô Thị Ánh H1 và Nguyễn Ngọc H2 và thua hết nên nghỉ chơi.

Vật chứng thu giữ gồm:

- Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 38.250.000đ (trong đó: Tiền thu trên chiếu bạc là 13.000.000đ; tiền thu giữ trên người của các con bạc dùng để đánh bạc là 22.950.000đ; tiền xâu là 1.100.000đ; tiền thu lợi bất chính là 1.000.000đ và 200.000đ của bị cáo Nguyễn Thành L;

- 08 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng;

- 01 vỏ lon bánh tôm bằng kim loại hiệu Hanami;

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo, số Imel: 866376042120458 thu giữ của Trần Đình H;

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo, số Imel: 862651034902970 thu giữ của Nguyễn Thành L;

- 01 điện thoại di động hiệu ITEL, số Imel: 359054100696727, đã qua sử dụng thu giữ của Châu Quốc T;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng, số Imel: 359217071935834, đã qua sử dụng, thu giữ của Nguyễn Thị L1;

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo, số Imel: 865266033112815, đã qua sử dụng, thu giữ của Tô Thị Ánh H1;

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đỏ, số Imel: 865222047892694, đã qua sử dụng, thu giữ của Nguyễn Ngọc H2;

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh, số Imel: 356944094994265, đã qua sử dụng, thu giữ của Nguyễn Thị Mỹ L2;

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh, số Imel: 357002044932221, đã qua sử dụng, thu giữ của Trần Thị Thu O;

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số Imel: 356948092537927, đã qua sử dụng, thu giữ của Bùi Ngọc A;

- 01 điện thoại di động hiệu Vsmart, số Imel: 356742103503709, đã qua sử dụng, thu giữ của Trần Thị Th;

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu hồng, số Imel: 357742109913380, đã qua sử dụng, thu giữ của Lê Phạm Diệu Th1;

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh, số Imel: 353690085719004, đã qua sử dụng, thu giữ của Lê Thị Ngọc M;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imel: 359210076728544, đã qua sử dụng, thu giữ của Lê Thị Ngọc M;

- 01 xe máy hiệu Piaggio Vespa Sprint màu đỏ, biển số 59X1-764.11, số khung: RP8M82511GV009647, số máy: M82EM5015434) của Phạm Thảo Qu;

- 01 chiếc xe máy hiệu Wave màu đỏ, biển số 53Y9-4897, số khung: Không xác định, số máy: VDP1P52FMH603745 của Trần Thị Thu O;

(Các vật chứng trên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi đã nhập kho vật chứng).

- 01 xe máy hiệu Honda Vision màu xanh, biển số 59Y2-697.97;

- 01 xe máy hiệu Honda Wave Alpha màu xanh biển số 59Y2-969.66;

- 01 xe máy hiệu Yamaha Sirius màu xám đen, biển số 59Y2-951.08;

- 01 chiếc xe máy hiệu Yamaha Mio màu đỏ, biển số 61P2-0073

(Các vật chứng trên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi đã trả lại cho chủ sở hữu)

Tại bản Cáo trạng số 139/CT-VKS ngày 28/5/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị can Trần Đình H và Nguyễn Thành L về tội “Tổ chức đánh bạc” theo Điểm a, c Khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; các bị can Phạm Thảo Qu, Châu Quốc T, Trần Thị Thu O, Trần Thị Th, Lê Phạm Diệu Th1, Nguyễn Thị L1, Lê Thị Ngọc M, Nguyễn Thị Mỹ L2, Trần Ngọc H3, Bùi Ngọc A, Tô Thị Ánh H1, Nguyễn Ngọc H2, Đặng Thị C và Bùi Văn Qu1 về tội “Đánh bạc” theo Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Đình H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và khai rằng: Do cần tiền tiêu xài nên ngày 21/11/2020, bị cáo bắt đầu tổ chức sòng bạc tại nhà số 02 đường Bùi Thị L, tổ 6, ấp A, xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cho các con bạc chơi nhằm thu tiền xâu. Bị cáo chuẩn bị 01 thùng bài gồm 10 bộ bài tây 52 lá, 01 lon bằng kim loại để nhà cái bỏ tiền xâu và bị cáo sử dụng căn phòng phía sau bếp làm chỗ để các con bạc tham gia đánh bạc. Khi đến đánh bạc, ai có nhiều tiền thì làm cái, thỏa thuận nếu nhà cái thắng hết thì xâu số tiền từ 50.000đ đến 100.000đ và tự bỏ vào lon kim loại hiệu Hanami mà bị cáo đã chuẩn bị sẵn. Khi những người đến tham gia đánh bạc thì bị cáo mở cửa, quản lý các con bạc ra vào sòng bạc, thông thường thì bị cáo T và bị cáo Qu thay phiên nhau làm cái. Cụ thể ngày 21/11/2020, bị cáo tổ chức sòng bạc tại nhà số 02 đường Bùi Thị C, tổ 6, ấp A, xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cho các con bạc tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền và bị cáo thu tiền xâu được 600.000đ. Cũng bằng hình thức trên thì ngày 22/11/2020 bị cáo thu tiền xâu được 1.300.000đ để tiêu xài cá nhân. Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 23/11/2020, khi bị cáo không có nhà thì các con bạc đến nhà bị cáo để tham gia đánh bạc. Lúc này có bị cáo L đến nhà bị cáo chơi nên bị cáo L mở cửa để các con bạc vào tham gia đánh bạc. Đến 12 giờ 00 phút bị cáo về nhà thấy các con bạc chơi, sau đó bị cáo hỏi bị cáo L giúp bị cáo mở cửa cổng, đẩy xe của những người đến tham gia đánh bạc vào trong phòng phía bên hông nhà rồi đóng cửa và dẫn xe ra dùm các con bạc khi các con bạc đi về, làm nhiệm vụ cảnh giới, nhằm tránh sự phát hiện Công an, bị cáo hứa trả công cho bị cáo L 500.000đ. Đến 18 giờ 30 phút cùng ngày, khi bị cáo Qu đang chia bài để các con bạc tham gia đánh bạc ăn thua bằng tiền thì bị Công an phát hiện, bắt quả tang, thu giữ số tiền trên chiếu bạc là 13.000.000đ, tiền xâu để trong lon kim loại hiệu Hanami là 1.100.000đ, tiền trong người của bị cáo là 1.000.000đ là số tiền bị cáo thu tiền xâu của 02 ngày trước còn lại và 01 điện thoại di động hiệu Oppo.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thành L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và khai rằng: Ngày 23/11/2020 bị cáo chở vợ là bị cáo Trần Ngọc H3 đến nhà của bị cáo Hiếu tại số 02 đường Bùi Thị L, tổ 6, ấp A, xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh chơi thì không có ông H ở nhà, đến khoảng 11 giờ 00 phút cùng ngày thì có các con bạc đến nhà bị cáo H để tham gia đánh bạc, bị cáo mở cửa cổng và đẩy xe của các con bạc vào căn phòng phía bên hông nhà rồi khóa cửa lại. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày thì bị cáo H về hỏi bị cáo có đi làm không để phụ giúp bị cáo Hiếu mở cửa, đẩy xe cho các con bạc, đứng ở phía trước nhà để cảnh giới Công an thì bị cáo đồng ý, bị cáo đẩy xe con các con bạc vào tham gia đánh bạc và đẩy xe cho khách về. Đến khoảng 18 giờ 30 phút ngày 23/11/2020 khi bị cáo đang ở phía trước nhà thì bị Công an bắt giữ, thu giữ của bị cáo 01 điện thoại di động hiệu Oppo và 200.000đ. Nay bị xin được nhận lại điện thoại di động để sử dụng.

Tại phiên tòa, bị cáo Châu Quốc T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và khai rằng: Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 23/11/2020, bị cáo mang theo số tiền 5.000.000đ đến nhà của bị cáo Hiếu tại số 02 đường Bùi Thị L, tổ 6, ấp A, xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để tham gia đánh bạc, bị cáo làm cái cho khoảng 06 con bạc tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức chơi bài ngẫu hằm, mỗi ván cược số tiền từ 50.000đ đến 200.000đ, theo thỏa thuận nếu nhà cái thắng hết thì tự bỏ tiền xâu vào lon kim loại cho bị cáo H số tiền từ 50.000đ đến 100.000đ, bị cáo xâu cho bị cáo H số tiền 150.000đ. Đến khoảng 14 giờ 00 phút thì bị cáo Qu đến nên bị cáo nhường cho bị cáo Qu làm cái, bị cáo chuyển sang tham gia đặt cược nhà con. Đến khoảng 18 giờ 30 phút khi bị cáo đặt cược số tiền 500.000đ chưa biết thắng thua thì bị phát hiện, thu giữ của bị cáo số tiền 5.000.000đ và 01 điện thoại di động hiệu IteL. Nay bị xin được nhận lại điện thoại di động để sử dụng.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thảo Qu thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và khai rằng: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 23/11/2020, bị cáo điều khiển xe máy biển số 59X1-764.11 chở bị cáo C đi uống cà phê, khi uống cà phê bị cáo nghe nói nhà bị cáo H có sòng bài nên bị cáo mang theo số tiền 20.000.000đ đến nhà của bị cáo Hiếu tại số 02 đường Bùi Thị L, tổ 6, ấp A, xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để tham gia đánh bạc, khi đến thì bị cáo T đang làm cái, sau đó bị cáo T nhường cho bị cáo làm cái cho khoảng 10 con bạc tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức chơi bài ngẫu hằm, mỗi ván cược số tiền từ 100.000đ đến 500.000đ, theo thỏa thuận nếu nhà cái thắng hết thì tự bỏ tiền xâu vào lon kim loại cho bị cáo Hiếu số tiền từ 50.000đ đến 100.000đ, bị cáo thua hết khoảng 14.000.000đ. Đến khoảng 18 giờ 30 phút, khi bị cáo đang chia bài cho 09 người tham gia đánh bạc, chưa biết thắng thua thì bị phát hiện, thu giữ số tiền trên chiếu bạc là 13.000.000đ, 01 lon bánh tôm hiệu Hanami đựng tiền xâu 1.100.000đ, 08 bộ bài tây loại 52 lá, thu giữ tiền trên tay của bị cáo là 7.000.000đ và 01 xe máy biển số 59X1-764.11. Nay bị cáo xin được nhận lại xe máy nói trên để sử dụng vì xe máy này là của bị cáo và chồng là Võ Hoàng Gi, bị cáo lấy xe đi công chuyện rồi ghé đánh bạc chồng bị cáo không biết.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Thu O thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và khai rằng: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 23/11/2020, bị cáo mang theo số tiền 200.000đ đến nhà của bị cáo H tại số 02 đường Bùi Thị L, tổ 6, ấp A, xã Tr, huyện C, Thành phố

Hồ Chí Minh để tham gia đánh bạc dưới hình thức chơi bài ngẫu hằm thắng thua bằng tiền, khi đến thì bị cáo Qu làm cái, bị cáo ké tụ của bị cáo M 100.000đ thì thua, ván thứ 2 bị cáo tiếp tục ké tụ của bị cáo M số tiền 100.000đ, khi bị cáo Qu chia bài xong, chưa mở bài thì bị phát hiện, thu giữ số tiền trên chiếu bạc là 13.000.000đ, 01 lon bánh tôm hiệu Hanami đựng tiền xâu 1.100.000đ, 08 bộ bài tây loại 52 lá. Thu giữ của bị cáo 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh và 01 chiếc xe máy hiệu Wave màu đỏ, biển số 53Y9-4897. Nay bị cáo xin được nhận lại điện thoại di động để sử dụng.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Th thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và khai rằng: Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 23/11/2020, bị cáo mang theo số tiền 600.000đ đến nhà của bị cáo Hiếu tại số 02 đường Bùi Thị L, tổ 6, ấp A, xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để tham gia đánh bạc dưới hình thức chơi bài ngẫu hằm thắng thua bằng tiền, khi đến thì bị cáo Qu làm cái, bị cáo ké tụ của bị cáo Ngọc A số tiền 200.000đ thì thắng, ván tiếp theo cáo tiếp tục ké tụ của bị cáo Ngọc A số tiền 200.000đ, khi bị cáo Qu chia bài xong, chưa mở bài thì bị phát hiện, thu giữ số tiền trên chiếu bạc là 13.000.000đ, 01 lon bánh tôm hiệu Hanami đựng tiền xâu 1.100.000đ, 08 bộ bài tây loại 52 lá. Thu giữ của bị cáo số tiền 600.000đ và 01 điện thoại di động hiệu Vsmart. Nay bị xin được nhận lại điện thoại di động để sử dụng.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Phạm Diệu Th1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và khai rằng: Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 23/11/2020, bị cáo mang theo số tiền 1.200.000đ đến nhà của bị cáo H tại số 02 đường Bùi Thị L, tổ 6, ấp A, xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để tham gia đánh bạc dưới hình thức chơi bài ngẫu hằm thắng thua bằng tiền, khi đến thì bị cáo Qu làm cái, bị cáo đặt chung tụ với bị cáo Ngọc H3 ván 100.000đ thì thua, ván tiếp theo cáo tiếp tục đặt cược số tiền 100.000đ, khi bị cáo Qu chia bài xong, chưa mở bài thì bị phát hiện, thu giữ số tiền trên chiếu bạc là 13.000.000đ, 01 lon bánh tôm hiệu Hanami đựng tiền xâu 1.100.000đ, 08 bộ bài tây loại 52 lá. Thu giữ của bị cáo số tiền 1.000.000đ và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu hồng. Nay bị xin được nhận lại điện thoại di động để sử dụng.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị L1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và khai rằng: Khoảng 18 giờ 20 phút ngày 23/11/2020, bị cáo mang theo số tiền 2.900.000đ đến nhà của bị cáo H tại số 02 đường Bùi Thị L, tổ 6, ấp A, xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để tham gia đánh bạc dưới hình thức chơi bài ngẫu hằm thắng thua bằng tiền, khi đến thì bị cáo Qu làm cái, bị cáo đặt cược số tiền 200.000đ, khi bị cáo Qu chia bài xong, chưa mở bài thì bị công an phát hiện, thu giữ số tiền trên chiếu bạc là 13.000.000đ, 01 lon bánh tôm hiệu Hanami đựng tiền xâu 1.100.000đ, 08 bộ bài tây loại 52 lá. Thu giữ của bị cáo số tiền 2.700.000đ và 01 điện thoại di động hiệu Iphone. Nay bị xin được nhận lại điện thoại di động để sử dụng.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị Ngọc M thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và khai rằng: Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 23/11/2020, bị cáo mang theo số tiền 2.500.000đ đến nhà của bị cáo H tại số 02 đường Bùi Thị L, tổ 6, ấp A, xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để tham gia đánh bạc dưới hình thức chơi bài ngẫu hằm thắng thua bằng tiền, khi đến thì bị cáo Qu làm cái, bị cáo dùng số tiền 2.000.000đ để tham gia đánh bạc, bị cáo đặt ké vào tụ của bị cáo Trần Thị Th, mỗi ván số tiền từ 100.000đ đến 200.000đ, khi bị cáo đặt cược số tiền 100.000đ, bị cáo Qu chia bài xong,

chưa mở bài thì bị Công an phát hiện bắt giữ, thu giữ số tiền trên chiếu bạc là 13.000.000đ, 01 lon bánh tôm hiệu Hanami đựng tiền xâu 1.100.000đ, 08 bộ bài tây loại 52 lá. Thu giữ của bị cáo số tiền 1.000.000đ, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh và 01 điện thoại di động hiệu Iphone. Nay bị xin được nhận lại 02 điện thoại di động để sử dụng.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và khai rằng: Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 23/11/2020, bị cáo mang theo số tiền 4.000.000đ đến nhà của bị cáo H tại số 02 đường Bùi Thị L, tổ 6, ấp A, xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để tham gia đánh bạc dưới hình thức chơi bài ngẫu nhiên thắng thua bằng tiền, khi đến thì bị cáo Qu làm cái, bị cáo đặt cược mỗi ván số tiền từ 100.000đ đến 200.000đ, bị cáo tham gia đặt cược được khoảng 04 ván, thắng được số tiền 200.000đ. Khi bị cáo đặt cược số tiền 200.000đ, bị cáo Qu chia bài xong, chưa mở bài thì bị Công an phát hiện bắt giữ, thu giữ số tiền trên chiếu bạc là 13.000.000đ, 01 lon bánh tôm hiệu Hanami đựng tiền xâu 1.100.000đ, 08 bộ bài tây loại 52 lá. Thu giữ của bị cáo số tiền 4.000.000đ và 01 điện thoại di động hiệu Nokia. Nay bị xin được nhận lại điện thoại di động để sử dụng.

Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Ngọc A thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và khai rằng: Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 23/11/2020, bị cáo mang theo số tiền 2.500.000đ đến nhà của bị cáo H tại số 02 đường Bùi Thị L, tổ 6, ấp A, xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để tham gia đánh bạc dưới hình thức chơi bài ngẫu nhiên thắng thua bằng tiền, khi đến thì bị cáo Qu làm cái, bị cáo dùng số tiền 2.000.000đ để tham gia đánh bạc, bị cáo đặt kè vào tụ của bị cáo Trần Thị Th, mỗi ván số tiền từ 100.000đ đến 200.000đ, khi bị cáo đặt cược số tiền 100.000đ, bị cáo Qu chia bài xong, chưa mở bài thì bị Công an phát hiện bắt giữ, thu giữ số tiền trên chiếu bạc là 13.000.000đ, 01 lon bánh tôm hiệu Hanami đựng tiền xâu 1.100.000đ, 08 bộ bài tây loại 52 lá. Thu giữ của bị cáo số tiền 550.000đ và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen. Nay bị xin được nhận lại điện thoại di động để sử dụng.

Tại phiên tòa, bị cáo Tô Thị Ánh H1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và khai rằng: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 23/11/2020, bị cáo mang theo số tiền 1.100.000đ đến nhà của bị cáo H tại số 02 đường Bùi Thị L, tổ 6, ấp A, xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để tham gia đánh bạc dưới hình thức chơi bài ngẫu nhiên thắng thua bằng tiền, khi đến thì bị cáo Qu làm cái, bị cáo đặt cược mỗi ván số tiền từ 100.000đ đến 200.000đ, bị cáo thắng 100.000đ. Khi bị cáo đặt cược số tiền 200.000đ, bị cáo Qu chia bài xong, chưa mở bài thì bị công an phát hiện bắt giữ, thu giữ số tiền trên chiếu bạc là 13.000.000đ, 01 lon bánh tôm hiệu Hanami đựng tiền xâu 1.100.000đ, 08 bộ bài tây loại 52 lá. Thu giữ của bị cáo số tiền 1.000.000đ và 01 điện thoại di động hiệu Oppo.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc H2 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và khai rằng: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 23/11/2020, bị cáo mang theo số tiền 1.000.000đ đến nhà của bị cáo H tại số 02 đường Bùi Thị L, tổ 6, ấp A, xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để tham gia đánh bạc dưới hình thức chơi bài ngẫu nhiên thắng thua bằng tiền, khi đến thì bị cáo Qu làm cái, bị cáo đặt cược mỗi ván số tiền từ 100.000đ đến 200.000đ, bị cáo thua 800.000đ. Khi bị cáo đặt cược số tiền 200.000đ, bị

cáo Qu chia bài xong, chưa mở bài thì bị Công an phát hiện bắt giữ, thu giữ số tiền trên chiếu bạc là 13.000.000đ, 01 lon bánh tôm hiệu Hanami đựng tiền xâu 1.100.000đ, 08 bộ bài tây loại 52 lá. Thu giữ của bị cáo 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đỏ. Nay bị xin được nhận lại điện thoại di động để sử dụng.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Ngọc H3 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và khai rằng: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 23/11/2020, bị cáo cùng với bị cáo Long đến nhà của bị cáo H tại số 02 đường Bùi Thị L, tổ 6, ấp A, xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để chơi, đến khoảng 18 giờ 20 phút thì bị cáo được bị cáo H cho bị cáo số tiền 100.000đ, bị cáo đi ra phía sau nhà để xem đánh bạc, sau đó bị cáo dùng số tiền 100.000đ ké vào tụ của bị cáo Lê Phạm Diệu Th1 do bị cáo Qu làm cái, bị cáo Qu chia bài xong, chưa mở bài thì bị Công an phát hiện bắt giữ, thu giữ số tiền trên chiếu bạc là 13.000.000đ, 01 lon bánh tôm hiệu Hanami đựng tiền xâu 1.100.000đ, 08 bộ bài tây loại 52 lá.

Tại phiên tòa, bị cáo Đặng Thị C thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và khai rằng: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 23/11/2020, bị cáo mang theo số tiền 300.000đ cùng với bị cáo Qu đến nhà của bị cáo Hiếu tại số 02 đường Bùi Thị L, tổ 6, ấp A, xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để tham gia đánh bạc dưới hình thức chơi bài ngẫu nhiên thắng thua bằng tiền, đến khoảng 17 giờ 00 phút thì bị cáo thua hết tiền nên ngồi ngoài xem, sau đó Công an phát hiện bắt giữ, thu giữ số tiền trên chiếu bạc là 13.000.000đ, 01 lon bánh tôm hiệu Hanami đựng tiền xâu 1.100.000đ, 08 bộ bài tây loại 52 lá.

Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Văn Qu1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và khai rằng: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 23/11/2020, bị cáo mang theo số tiền 300.000đ đến nhà của bị cáo H tại số 02 đường Bùi Thị L, tổ 6, ấp A, xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để tham gia đánh bạc dưới hình thức chơi bài ngẫu nhiên thắng thua bằng tiền, khi đến thì bị cáo Qu làm cái, bị cáo đặt cược mỗi ván số tiền từ 50.000đ đến 100.000đ, bị cáo thua 100.000đ. Khi bị cáo đặt cược số tiền 100.000đ, bị cáo Qu chia bài xong, chưa mở bài thì bị công an phát hiện bắt giữ, thu giữ số tiền trên chiếu bạc là 13.000.000đ, 01 lon bánh tôm hiệu Hanami đựng tiền xâu 1.100.000đ, 08 bộ bài tây loại 52 lá. Thu giữ của bị cáo 100.000đ.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Võ Hoàng Gi xin vắng mặt, tại Đơn xin nhận lại tài sản ngày 22/12/2021 ông Gi trình bày: Chiếc xe máy hiệu Piaggio Vespa Sprint màu đỏ biển số 59X1-764.11 là tài sản của ông mua nhưng để cho vợ là Phạm Thảo Qu đứng tên dùng để đưa đón con đi học và phục vụ nhu cầu sinh hoạt của gia đình, vợ ông lấy xe đi đánh bạc ông hoàn toàn không biết, đây là phương tiện đi lại duy nhất của gia đình. Nay ông xin nhận lại chiếc xe trên để sử dụng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi giữ quyền công tố phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về hình phạt chính:

- Áp dụng Điểm a, c Khoản 1 Điều 322, Điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 2,

Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao: Xử phạt bị cáo Trần Đình H từ 15 (Mười lăm) tháng đến 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng đến 36 (Ba mươi sáu) tháng về tội “Tổ chức đánh bạc”;

- Áp dụng Điểm a, c Khoản 1 Điều 322, Điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 2, Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L mức án từ 15 (Mười lăm) tháng đến 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng đến 36 (Ba mươi sáu) tháng về tội “Tổ chức đánh bạc”;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321, Điểm s Khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Phạm Thảo Qu mức án từ 12 (Mười hai) tháng đến 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Châu Quốc T mức án từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321, Điểm s Khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Trần Thị Thu O mức án từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321, Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Trần Thị Th mức án từ 12 (Mười hai) tháng đến 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321, Điểm s Khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Lê Phạm Diệu Th1 mức án từ 12 (Mười hai) tháng đến 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321, Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L1 mức án từ 12 (Mười hai) tháng đến 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Lê Thị Ngọc M mức án từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L mức án từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Bùi Ngọc A mức án từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Tô Thị Ánh H1 mức án từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H2 mức án từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Trần Ngọc H3 mức án từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Đặng Thị C mức án từ 12 (Mười hai) tháng đến 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Bùi Văn Qu1 mức án từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”;

2. Về hình phạt bổ sung:

Các bị cáo Trần Đình H và Nguyễn Thành L đứng ra tổ chức đánh bạc nhằm mục đích thu lợi, các bị cáo Phạm Thảo Qu và Châu Quốc T tham gia đánh bạc với vai trò làm cái ăn thua bằng tiền với các con bạc, do đó đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bổ sung các bị cáo.

Đối với các bị cáo còn lại không có nghề nghiệp ổn định, số tiền tham gia đánh bạc không lớn nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điểm a, b Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử xử lý như sau:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 38.250.000đ (trong đó: Tiền thu trên chiếu bạc: 13.000.000đ; tiền thu giữ trên người của các con bạc dùng để đánh bạc: 22.950.000đ; tiền xâu là 1.100.000đ; tiền thu lợi bất chính là 1.000.000đ, 200.000đ của bị cáo Long không nhận lại) và 01 chiếc xe máy hiệu Wave màu đỏ, biển số 53Y9-4897, số khung: không xác định, số máy: VDP1P52FMH603745.

- Tịch thu tiêu hủy: 08 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng và 01 lon bánh tôm bằng kim loại hiệu Hanami;

- Trả lại cho:

+Trần Đình H: 01 điện thoại di động hiệu Oppo, số Imel: 866376042120458, đã qua sử dụng;

+Nguyễn Thành L: 01 điện thoại di động hiệu Oppo, số Imel: 862651034902970, đã qua sử dụng;

+Châu Quốc T: 01 điện thoại di động hiệu Itel, số Imel: 359054100696727, đã qua sử dụng;

+Nguyễn Thị L1: 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng, số Imel: 359217071935834, đã qua sử dụng;

+Tô Thị Ánh H1: 01 điện thoại di động hiệu Oppo, số Imel: 865266033112815, đã qua sử dụng;

+Nguyễn Ngọc H2: 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đỏ, số Imel: 865222047892694, đã qua sử dụng;

+Nguyễn Thị Mỹ L: 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh, số Imel: 356944094994265, đã qua sử dụng;

+Trần Thị Thu O: 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh, số Imel: 357002044932221, đã qua sử dụng;

+Bùi Ngọc A: 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số Imel: 356948092537927, đã qua sử dụng;

+Trần Thị Th: 01 điện thoại di động hiệu Vsmart, số Imel: 356742103503709, đã qua sử dụng;

+Lê Phạm Diệu Th1: 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu hồng, số Imel: 357742109913380, đã qua sử dụng;

+Lê Thị Ngọc M: 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imel: 359210076728544, đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh, số Imel: 353690085719004, đã qua sử dụng;

+Phạm Thảo Qu: 01 xe máy hiệu Piaggio Vespa Sprint màu đỏ, biển số 59X1-764.11, số khung: RP8M82511GV009647, số máy: M82EM5015434, đã qua sử dụng;

Các bị cáo Trần Đình H, Nguyễn Thành L, Phạm Thảo Qu, Châu Quốc T, Trần Thị Thu O, Trần Thị Th, Lê Phạm Diệu Th1, Nguyễn Thị L, Lê Thị Ngọc M, Nguyễn Thị Mỹ L, Trần Ngọc H3, Bùi Ngọc A, Tô Thị Ánh H1, Nguyễn Ngọc H2, Đặng Thị C và Bùi Văn Qu1 không tranh luận, không tự bào chữa.

Bị cáo Trần Đình H nói lời nói sau cùng: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, bị cáo mong được xem xét xử nhẹ để còn trở về lo cho gia đình.

Bị cáo Nguyễn Thành L nói lời nói sau cùng: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, bị cáo mong Hội đồng xét xử xử nhẹ để bị cáo còn lo cho gia đình.

Bị cáo Phạm Thảo Qu nói lời nói sau cùng: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình.

Bị cáo Châu Quốc T nói lời nói sau cùng: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình.

Bị cáo Trần Thị Thu O nói lời nói sau cùng: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình.

Bị cáo Trần Thị Th nói lời nói sau cùng: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình.

Bị cáo Lê Phạm Diệu Th1 nói lời nói sau cùng: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình.

Bị cáo Nguyễn Thị L1 nói lời nói sau cùng: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình.

Bị cáo Lê Thị Ngọc M nói lời nói sau cùng: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình.

Bị cáo Lê Thị Mỹ L2 nói lời nói sau cùng: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình.

Bị cáo Trần Ngọc H3 nói lời nói sau cùng: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình.

Bị cáo Bùi Ngọc A nói lời nói sau cùng: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình.

Bị cáo Tô Thị Ánh H1 nói lời nói sau cùng: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình.

Bị cáo Nguyễn Ngọc H2 nói lời nói sau cùng: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình.

Bị cáo Đặng Thị C nói lời nói sau cùng: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình.

Bị cáo Bùi Văn Qu1 nói lời nói sau cùng: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh; điều luật áp dụng; tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Các bị cáo Trần Đình H và Nguyễn Thành L có hành vi chuẩn bị địa điểm để các con bạc tham gia đánh bạc bằng hình thức chơi bài ngẫu hằm thắng thua bằng tiền nhằm mục đích thu tiền xấu. Bằng hành vi trên thì bị cáo Trần Đình H và Nguyễn Thành L đã phạm tội “Tổ chức đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; các bị cáo Phạm Thảo Qu, Châu Quốc T, TrầnThị Thu O, Trần Thị Th, Lê Phạm Diệu Th1, Nguyễn Thị L, Lê Thị Ngọc M, Nguyễn Thị Mỹ L1, Trần Ngọc H3, Bùi Ngọc A, Tô

Thị Ánh H1, Nguyễn Ngọc H2, Đặng Thị C và Bùi Văn Qu1 có hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền với hình thức chơi bài ngẫu hằm do bị cáo Phạm Thảo Quỳnh làm cái với tổng số tiền thu giữ trên chiếu bạc và trong người của các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 37.050.000đ, bằng hành vi nêu trên các bị cáo Phạm Thảo Qu, Châu Quốc T, Trần Thị Thu O, Trần Thị Th, Lê Phạm Diệu Th1, Nguyễn Thị L, Lê Thị Ngọc M, Nguyễn Thị Mỹ L1, Trần Ngọc H3, Bùi Ngọc A, Tô Thị Ánh H1, Nguyễn Ngọc H2, Đặng Thị C và Bùi Văn Qu1 đã phạm vào tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, bị cáo Đặng Thị Cải đã bị Công an xã Trung An, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc vào ngày 16/11/2020 mà lại tiếp tục tham gia đánh bạc nên đã phạm vào tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã truy tố bị cáo Trần Đình H, Nguyễn Thành L về tội “Tổ chức đánh bạc”; các bị cáo TPhạm Thảo Qu, Châu Quốc T, Trần Thị Thu O, Trần Thị Th, Lê Phạm Diệu Th1, Nguyễn Thị L, Lê Thị Ngọc M, Nguyễn Thị Mỹ L1, Trần Ngọc H3, Bùi Ngọc A, Tô Thị Ánh H1, Nguyễn Ngọc H2, Đặng Thị C và Bùi Văn Qu1 về tội “Đánh bạc” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, làm ảnh hưởng đến trật tự tại địa phương, khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo ý thức được hành vi của mình là sai trái nhưng vẫn thực hiện chỉ vì mục đích thỏa mãn lợi ích của các bị cáo. Do đó, cần có xử lý các bị cáo bằng hình phạt nhằm răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và đấu tranh, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Trong vụ án này, bị cáo Hiếu là người đứng ra chuẩn bị địa điểm, công cụ để các bị cáo khác tham gia đánh bạc nhằm thu tiền xấu, bị cáo Long là đồng phạm với vai trò giúp sức cho bị cáo Hiếu làm nhiệm vụ cảnh giới nhằm tránh sự phát hiện của cơ quan Công an. Do đó, Hội đồng xét xử xét cần xử lý bị cáo Hiếu mức hình phạt cao hơn bị cáo Long là phù hợp quy định pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét các bị cáo Trần Đình H, Nguyễn Thành L, Phạm Thảo Qu, Trần Thị Ngọc O, Trần Thị Th, Lê Phạm Diệu Th1 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, xét tính chất và hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử áp dụng Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xem xét khi quyết định về hình phạt là có căn cứ.

Xét các bị cáo Châu Quốc T, Nguyễn Thị Lùng, Lê Thị Ngọc M, Nguyễn Thị Mỹ L1, Trần Ngọc H3, Bùi Ngọc A, Tô Thị Ánh H1, Nguyễn Ngọc H2, Đặng Thị C và Bùi Văn Qu1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, số tiền của mỗi bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc không lớn, xét đề nghị của

đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, xét tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử áp dụng Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo phần nào về hình phạt là có căn cứ. Riêng các bị cáo Trần Đình H, Bùi Văn Qu là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 của Luật người cao tuổi năm 2009, bị cáo Nguyễn Thành L có con nhỏ sinh năm 2019 và là lao động chính trong gia đình, các bị cáo Bùi Ngọc A, Nguyễn Thị L, Trần Thị Th có thân nhân là người có công với cách mạng nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho các bị cáo. Tuy nhiên mức hình phạt áp dụng cho các bị cáo tùy thuộc vào số tiền mà mỗi bị cáo tham gia đánh bạc.

Xét các bị cáo Trần Đình H, Nguyễn Thành L đứng ra tổ chức đánh bạc nhằm thu lợi bất chính, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, từ lúc phạm tội bị phát hiện đến nay, các bị cáo chấp hành tốt chính sách pháp luật của địa phương, chấp hành tốt lệnh triệu tập của các cơ quan tiến hành tố tụng, các bị cáo có khả năng tự cải tạo bản thân, Hội đồng xét xử xét nếu không buộc các bị cáo chấp hành hình phạt tù thì cũng không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, do các bị cáo có đủ điều kiện quy định tại Điều 2 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên Hội đồng xét xử đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi cho các bị cáo được hưởng án treo là có căn cứ.

Các bị cáo Phạm Thảo Qu, Châu Quốc T, Trần Thị Thu O, Trần Thị Th, Lê Phạm Diệu Th1, Nguyễn Thị L, Lê Thị Ngọc M, Nguyễn Thị Mỹ L1, Trần Ngọc H3, Bùi Ngọc A, Tô Thị Ánh H1, Nguyễn Ngọc H2, Đặng Thị C và Bùi Văn Qu1 có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, trong thời gian được tại ngoại các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, chấp hành tốt chính sách pháp luật của địa phương, chấp hành tốt lệnh triệu tập của các cơ quan tiến hành tố tụng, các bị cáo có khả năng tự cải tạo bản thân và nếu không buộc các bị cáo chấp hành hình phạt tù thì cũng không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giao các bị cáo về chính quyền địa phương nơi thường trú của các bị cáo để giám sát, giáo dục cũng đủ để các bị cáo tự cải tạo. Do các bị cáo không có thu nhập nên không khấu trừ một phần thu nhập hàng tháng của các bị cáo để sung quỹ Nhà nước, tuy nhiên các bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ theo quy định tại Khoản 4 Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Các bị cáo Trần Đình H và Nguyễn Thành L đứng ra tổ chức cho các bị cáo khác tham gia đánh bạc nhằm thu lợi, các bị cáo Phạm Thảo Qu và Châu Quốc T đứng ra làm cái với các con bạc nên Hội đồng xét xử xét cần phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại Khoản 3 Điều 322 và Khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2015, các bị cáo Nguyễn Thị L1, Lê Thị Ngọc M, Nguyễn Thị Mỹ L2, Trần Ngọc H3, Bùi Ngọc A, Tô Thị Ánh H1, Nguyễn Ngọc H2, Trần Thị Thu O, Trần Thị Th, Lê Phạm Diệu Th1, Đặng Thị C và Bùi Văn Qu

không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử xét không phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại Khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2015.

[6] Về vật chứng vụ án:

- Số tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 38.050.000đ (trong đó: Tiền thu trên chiếu bạc: 13.000.000đ; tiền thu giữ trên người của các con bạc dùng để đánh bạc: 22.950.000đ; tiền xâu là 1.100.000đ, tiền thu lợi bất chính là 1.000.000đ). Đây là tài sản dùng vào việc phạm tội, Hội đồng xét xử xét cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước;

- Số tiền 200.000đ là tài sản của bị cáo L không liên quan đến việc phạm tội. Tại phiên tòa, bị cáo L tự nguyện nộp ngân sách nên Hội đồng xét xử xét cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- 01 xe máy hiệu Piaggio Vespa Sprint màu đỏ, biển số 59X1-764.11. Đây là tài sản chung của bị cáo Phạm Thảo Qu và chồng là ông Võ Hoàng Gi, ông Gi mua nhưng để vợ là bị cáo Qu đứng tên đăng ký nhằm phục vụ cho việc đưa đón các con đi học. Bị cáo Qu sử dụng xe máy nói trên vào việc phạm tội ông Gi hoàn toàn không biết. Tại phiên tòa, ông Gi xin vắng mặt nhưng hồ sơ thể hiện ông Gi xin được nhận lại xe máy nói trên nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt hằng ngày của gia đình, Hội đồng xét xử xét yêu cầu trên là có cơ sở để chấp nhận;

- 01 chiếc xe máy hiệu Honda Wave màu đỏ, biển số 53Y9-4897. Đây là tài sản của bị cáo Trần Thị Thu O mua nhưng chưa sang tên, có số máy nhưng số khung không xác định. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thông báo truy tìm chủ sở hữu, thời hạn thông báo đã hết, Hội đồng xét xử xét cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước;

- 08 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng, 01 lon bánh tôm bằng kim loại hiệu Hanami, đây là công cụ, phương tiện phạm tội, Hội đồng xét xử xét cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo, số Imel: 866376042120458 của bị cáo Trần Đình H; 01 điện thoại di động hiệu Oppo, số Imel: 862651034902970 của bị cáo Nguyễn Thành L; 01 điện thoại di động hiệu IteL, số Imel: 359054100696727 của bị cáo Châu Quốc T; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng, số Imel: 359217071935834 của bị cáo Nguyễn Thị L; 01 điện thoại di động hiệu Oppo, số Imel: 865266033112815 của bị cáo Tô Thị Ánh H1; 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đỏ, số Imel: 865222047892694 của bị cáo Nguyễn Ngọc H2; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh, số Imel: 356944094994265 của bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L2; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh, số Imel: 357002044932221 của bị cáo Trần Thị Thu O; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số Imel: 356948092537927 của bị cáo Bùi Ngọc A; 01 điện thoại di động hiệu Vsmart, số Imel: 356742103503709 của bị cáo Trần Thị Th; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu hồng, số Imel: 357742109913380 của bị cáo Lê Phạm Diệu Th1; 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imel: 359210076728544 và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh, số Imei: 353690085719004 của bị cáo Lê Thị Ngọc M. Các tài sản này không liên quan đến việc phạm tội. Tại phiên tòa, các bị cáo xin nhận lại các tài sản nêu trên để sử dụng, Hội đồng xét xử yêu cầu trên là có cơ sở để chấp nhận;

[7] Về các vấn đề khác:

Trong vụ án này còn có các đối tượng Nguyễn Thị Th2, Trần Thanh Ng và Phạm Thị Thanh Ng1 có mặt tại sòng bạc nhưng không tham gia đánh bạc, cơ quan Cảnh sát điều tra đã chuyển hồ sơ và đồ vật để xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Về nghĩa vụ chịu án phí:

Buộc các bị cáo Trần Đình H, Nguyễn Thành L, Phạm Thảo Qu, Châu Quốc T, TrầnThị Thu O, Trần Thị Th, Lê Phạm Diệu Th1, Nguyễn Thị L1, Lê Thị Ngọc M, Nguyễn Thị Mỹ L2, Trần Ngọc H3, Bùi Ngọc A, Tô Thị Ánh H1, Nguyễn Ngọc H2, Đặng Thị C và Bùi Văn Qu1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Trần Đình H và Nguyễn Thành L phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; các bị cáo Phạm Thảo Qu, Châu Quốc T, TrầnThị Thu O, Trần Thị Th, Lê Phạm Diệu Th1, Nguyễn Thị L, Lê Thị Ngọc M, Nguyễn Thị Mỹ L, Trần Ngọc H3, Bùi Ngọc A, Tô Thị Ánh H1, Nguyễn Ngọc H2, Đặng Thị C và Bùi Văn Qu1 phạm tội “Đánh bạc”.

1. Căn cứ vào Điểm a, c Khoản 1 Điều 322, Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 2, Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Xử phạt bị cáo Trần Đình H 01 (Một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 03 (Ba) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Trung An, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Căn cứ vào Điểm a, c Khoản 1 Điều 321, Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 2, Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 02 (Một) năm 06 (Sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321, Điểm s Khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo Phạm Thảo Qu 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng cải tạo không giam giữ, trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến 02/12/2020 là 09 (Chín) ngày, tương ứng với 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ còn lại bị cáo phải chấp hành là 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng 03 (Ba) ngày. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Giao bị cáo Qu cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Qu có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức hoặc Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh trong việc giám sát, giáo dục.

Do bị cáo Qu không có việc làm ổn định nên phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần. Bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ theo quy định tại Luật thi hành án hình sự năm 2019.

4. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo Châu Quốc T 01 (Một) năm cải tạo không giam giữ, trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến 02/12/2020 là 09 (Chín) ngày, tương ứng với 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ còn lại bị cáo phải chấp hành là 11 (Mười một) tháng 03 (Ba) ngày. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Toàn có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức hoặc Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh trong việc giám sát, giáo dục.

Do bị cáo T không có việc làm ổn định nên phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần. Bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ theo quy định tại Luật thi hành án hình sự năm 2019.

5. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321, Điểm s Khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Thu O 01 (Một) năm cải tạo không giam giữ, trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến 02/12/2020 là 09 (Chín) ngày, tương ứng với 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam

giữ còn lại bị cáo phải chấp hành là 11 (Mười một) tháng 03 (Ba) ngày. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Giao bị cáo O cho Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo O có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức hoặc Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh trong việc giám sát, giáo dục.

Do bị cáo O không có việc làm ổn định nên phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần. Bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ theo quy định tại Luật thi hành án hình sự năm 2019.

6. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321, Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo Trần Thị Th 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng cải tạo không giam giữ, trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến 02/12/2020 là 09 (Chín) ngày, tương ứng với 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ còn lại bị cáo phải chấp hành là 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng 03 (Ba) ngày. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Giao bị cáo Th cho Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Th có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức hoặc Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân xã Trung An, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh trong việc giám sát, giáo dục.

Do bị cáo Th không có việc làm ổn định nên phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần. Bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ theo quy định tại Luật thi hành án hình sự năm 2019.

7. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321, Điểm s Khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo Lê Phạm Diệu Th1 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng cải tạo không giam giữ, trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến 02/12/2020 là 09 (Chín) ngày, tương ứng với 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ còn lại bị cáo phải chấp hành là 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng 03 (Ba) ngày. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Giao bị cáo Diệu Th1 cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Diệu Th1 có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức hoặc Ủy ban

nhân dân Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh trong việc giám sát, giáo dục.

Do bị cáo Diệu Th1 không có việc làm ổn định nên phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần. Bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ theo quy định tại Luật thi hành án hình sự năm 2019.

8. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L1 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng cải tạo không giam giữ, trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến 02/12/2020 là 09 (Chín) ngày, tương ứng với 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ còn lại bị cáo phải chấp hành là 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng 03 (Ba) ngày. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Giao bị cáo L1 cho Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo L1 có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức hoặc Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh trong việc giám sát, giáo dục.

Do bị cáo L1 không có việc làm ổn định nên phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần. Bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ theo quy định tại Luật thi hành án hình sự năm 2019.

9. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo Lê Thị Ngọc M 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ, trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến 02/12/2020 là 09 (Chín) ngày, tương ứng với 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ còn lại bị cáo phải chấp hành là 08 (Tám) tháng 03 (Ba) ngày. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Giao bị cáo M cho Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo M có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức hoặc Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh trong việc giám sát, giáo dục.

Do bị cáo M không có việc làm ổn định nên phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần. Bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ theo quy định tại Luật thi hành án hình sự năm 2019.

10. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L2 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ, trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến 02/12/2020 là 09 (Chín) ngày, tương ứng với 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ còn lại bị cáo phải chấp hành là 08 (Tám) tháng 03 (Ba) ngày. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Giao bị cáo L2 cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo L2 có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức hoặc Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh trong việc giám sát, giáo dục.

Do bị cáo L không có việc làm ổn định nên phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần. Bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ theo quy định tại Luật thi hành án hình sự năm 2019.

11. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Bùi Ngọc A 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ, trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến 02/12/2020 là 09 (Chín) ngày, tương ứng với 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ còn lại bị cáo phải chấp hành là 08 (Tám) tháng 03 (Ba) ngày. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Giao bị cáo A cho Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo A có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức hoặc Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh trong việc giám sát, giáo dục.

Do bị cáo A không có việc làm ổn định nên phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần. Bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ theo quy định tại Luật thi hành án hình sự năm 2019.

12. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Tô Thị Ánh H1 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ, trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến 02/12/2020 là 09 (Chín) ngày, tương ứng với 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ còn lại bị cáo phải chấp hành là 08 (Tám) tháng 03 (Ba) ngày. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Giao bị cáo H1 cho Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo H1 có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức hoặc Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh trong việc giám sát, giáo dục.

Do bị cáo H1 không có việc làm ổn định nên phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần. Bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ theo quy định tại Luật thi hành án hình sự năm 2019.

13. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H2 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ, trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến 02/12/2020 là 09 (Chín) ngày, tương ứng với 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ còn lại bị cáo phải chấp hành là 08 (Tám) tháng 03 (Ba) ngày. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Giao bị cáo H2 cho Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo H2 có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức hoặc Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh trong việc giám sát, giáo dục.

Do bị cáo H2 không có việc làm ổn định nên phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần. Bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ theo quy định tại Luật thi hành án hình sự năm 2019.

14. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc H3 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Giao bị cáo H3 cho Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo H3 có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức hoặc Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh trong việc giám sát, giáo dục.

Do bị cáo H3 không có việc làm ổn định nên phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần. Bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ theo quy định tại Luật thi hành án hình sự năm 2019.

15. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đặng Thị C 01 (Một) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Giao bị cáo C cho Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo C có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức hoặc Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh trong việc giám sát, giáo dục.

Do bị cáo C không có việc làm ổn định nên phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần. Bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ theo quy định tại Luật thi hành án hình sự năm 2019.

16. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn Qu1 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ, trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến 02/12/2020 là 09 (Chín) ngày, tương ứng với 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ còn lại bị cáo phải chấp hành là 08 (Tám) tháng 03 (Ba) ngày. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Giao bị cáo Qu1 cho Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Qu có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức hoặc Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh trong việc giám sát, giáo dục.

Do bị cáo Qu không có việc làm ổn định nên phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần. Bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ theo quy định tại Luật thi hành án hình sự năm 2019.

17. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 322 và Khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Phạt bổ sung bị cáo Trần Đình H số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước;

- Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thành L số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước;

- Phạt bổ sung bị cáo Phạm Thảo Qu số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước;

- Phạt bổ sung bị cáo Châu Quốc T số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước.

18. Căn cứ vào Điểm a, b Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

- Buộc bị cáo Trần Đình H nộp số tiền thu lợi bất chính là 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: Số tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 38.250.000đ (Ba mươi tám triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng); 01 chiếc xe máy hiệu Wave màu đỏ, biển số 53Y9-4897, số khung: không xác định, số máy: VDP1P52FMH603745.

- Tịch thu tiêu hủy: 08 (Tám) bộ bài tây đã qua sử dụng và 01 (Một) lon bánh Tôm bằng kim loại hiệu Hanami.

- Trả lại cho:

+ Bị cáo Phạm Thảo Qu và ông Võ Hoàng Gi 01 (Một) xe máy hiệu Piaggio Vespa Sprint màu đỏ, biển số 59X1-764.11, số khung: RP8M82511GV009647, số máy: M82EM5015434;

+ Bị cáo Trần Đình H 01 (Một) điện thoại di động hiệu Oppo, số Imel: 866376042120458, đã qua sử dụng;

+ Bị cáo Nguyễn Thành L 01 (Một) điện thoại di động hiệu Oppo, số Imel: 862651034902970, đã qua sử dụng;

+ Bị cáo Châu Quốc T 01 (Một) điện thoại di động hiệu Itel, số Imel: 359054100696727, đã qua sử dụng;

+ Bị cáo Nguyễn Thị L1 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng, số Imel: 359217071935834, đã qua sử dụng;

+ Bị cáo Tô Thị Ánh H1 01 (Một) điện thoại di động hiệu Oppo, số Imel: 865266033112815, đã qua sử dụng;

+ Bị cáo Nguyễn Ngọc H2 01 (Một) điện thoại di động hiệu Oppo màu đỏ, số Imel: 865222047892694, đã qua sử dụng;

+ Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L2 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh, số Imel: 356944094994265, đã qua sử dụng;

+ Bị cáo Trần Thị Thu O 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh, số Imel: 357002044932221, đã qua sử dụng;

+ Bị cáo Bùi Ngọc A 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số Imel: 356948092537927, đã qua sử dụng;

+ Bị cáo Trần Thị Th 01 (Một) điện thoại di động hiệu Vsmart, số Imel: 356742103503709, đã qua sử dụng;

+ Bị cáo Lê Phạm Diệu Th1 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia màu hồng, số Imel: 357742109913380, đã qua sử dụng;

+ Bị cáo Lê Thị Ngọc M 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone, số Imel: 359210076728544, đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh, số Imei: 353690085719004, đã qua sử dụng.

Các vật chứng nêu trên được liệt kê tại Lệnh nhập kho vật chứng số 50/LNK-CSĐT-CSHS ngày 05/02/2021 (bút lục số 515), Phiếu nhập kho vật chứng số 50/PNK ngày 05/02/2021 (bút lục số 514) và Lệnh nhập kho vật chứng số 17/LNK-CSĐT-

CSHS ngày 08/02/2021 (bút lục số 498) của cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Củ Chi.

19. Căn cứ vào Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Luật phí và lệ phí năm 2015 và Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Án phí hình sự sơ thẩm buộc các bị cáo Trần Đình H, Nguyễn Thành L, Phạm Thảo Qu, Châu Quốc T, TrầnThị Thu O, Trần Thị Th, Lê Phạm Diệu Th1, Nguyễn Thị L1, Lê Thị Ngọc M, Nguyễn Thị Mỹ L2, Trần Ngọc H3, Bùi Ngọc A, Tô Thị Ánh H1, Nguyễn Ngọc H2, Đặng Thị C và Bùi Văn Qu1 mỗi bị cáo phải chịu là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

20. Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, người đại diện, người bào chữa của các bị cáo có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

(Đã giải thích chế định án treo cho các bị cáo Trần Đình Hiếu và Nguyễn Thành Long).

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Công an huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**